

Bản án số: 55/2020/HS-ST
Ngày 23 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Suấn và ông Nguyễn Đức Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn Đ, sinh năm 1997; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn L (đã chết) và bà Lò Thị K, sinh 1971; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn T, sinh năm 1995; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn T (đã chết) và bà Lò Thị N, sinh 1975; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan: Lò Thị N, sinh 1973, nơi cư trú: bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 04 giờ 00 phút, ngày 12/4/2020 Lò Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, Biển kiểm soát (BKS) 26B2- 481.20 chở Lò Văn Đ đến khu vực bản C, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La thì gặp Tổ công tác Công an huyện M cùng Công an xã M và Công an xã C làm nhiệm vụ phát hiện Lò Văn Đ cất giấu 01 gói được quấn bên ngoài bằng một lớp băng dính màu đen, bên trong có chứa 02 gói nilon màu trắng, trong đó: 01 có chứa chất bột màu trắng; 01 gói chứa 34 viên nén hình tròn màu hồng có ký hiệu WY và các cục bột màu hồng; Đ khai nhận đó là ma túy, các cục bột màu hồng là do Đ nhai, cắn khi bị kiểm tra. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng.

Ngày 12/4/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Phòng PC09 Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn Đ, Lò Văn T, như sau:

34 (Ba mươi bốn) viên nén màu hồng và cục bột màu hồng trong gói nilon màu trắng có tổng khối lượng là 8,87 gam, lấy 1,04 gam làm mẫu giám định ký hiệu ĐT2, còn lại 7,83 gam, ký hiệu là ĐT1 lưu kho vật chứng theo quy định.

Chất bột màu trắng trong gói nilon màu trắng có khối lượng là 3,48 gam, lấy 0,73 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu ĐT4, còn lại 2,75 gam, ký hiệu ĐT3 lưu kho vật chứng theo quy định. Còn lại: 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu và giấy gói cũ niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 16/4/2020 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 606, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu ĐT2 là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 1,04 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu ĐT4 là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,73 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 8,87 gam; loại Methamphetamine và 3,48 gam; loại Heroine”.

Tổ trực Nhà tạm giữ Công an huyện M kiểm tra buồng giam số A2 hồi 22 giờ ngày 19/4/2020, Lò Văn Đ đã tự giác giao nộp 01 bọc quấn bên ngoài bằng nilon màu đen, 02 lớp tiếp theo là nilon màu xanh và lớp trong cùng là nilon màu trắng, bên trong chứa cục bột màu trắng, Đ khai nhận là bánh khảo; tổ trực đã lập biên bản thu giữ, niêm phong, bàn giao cho cơ quan điều tra.

Ngày 22/4/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Phòng PC09 Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ của Lò Văn Đ, tại nhà tạm giữ, như sau: Cục bột màu trắng có khối lượng là 13,74 gam, lấy 0,54 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu LĐ, còn lại 13,20 gam, ký hiệu LĐ1 lưu kho vật chứng theo quy định. Còn lại: 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 01 mảnh nilon màu đen, 02 mảnh nilon màu xanh và 01 mảnh nilon màu trắng niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 24/4/2020 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 658, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu LĐ là ma túy; loại

Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,54 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 13,74 gam; loại Heroine”.

Trong quá trình điều tra Lò Văn Đ và Lò Văn T khai về nguồn gốc chất bột màu trắng và viên nén màu hồng (ma túy): khoảng 17 giờ ngày 11/4/2020 Đ đi bộ đến nhà T, Đ nói với T “Tao có tiền nhưng không có xe, mày có xe thì mày chở tao đi, nếu mua được ma túy thì tao sẽ chia mày một phân Heroine” T đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 26B2- 48120 (xe mô tô là tài sản chung của gia đình, do chị Lò Thị N bỏ tiền ra mua trả góp) chở Đ đi đến bản Thôm, xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Đ liên lạc điện thoại từ số thuê bao 0365334271 với người tên Yên, số điện thoại không nhớ và đã xoá; gặp được Yên, Đ cùng Yên trao đổi mua bán trái phép chất ma túy, còn T đứng trông xe cách Đ và Yên 10 mét. Mua được ma túy Đ đã dùng băng dính, mảnh nilon gói lại cất giữ trong miệng một phần, còn lại Đ cho vào bao cao su rồi đút vào trong hậu môn của Đ rồi cùng nhau đi về, trên đường về Đ và T có cùng nhau sử dụng ma túy; số ma túy cất giữ trong hậu môn được Đ lấy ra sau khi bị tạm giữ, Đ đã bỏ bao cao su vào bồn cầu xả nước; Đ xác định chiếc điện thoại di động là của Đ; xe máy BKS 26B2- 48120 là tài sản chung của gia đình, do chị Lò Thị Ngươi bỏ tiền ra mua trả góp, T đứng tên đăng ký.

Theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự thì hai chất ma túy Heroine và Methamphetamine thu giữ của Lò Văn Đ được quy định trong cùng một điểm (điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự) nên khối lượng chất ma túy cộng lại là 26,09 (Hai sáu phẩy không chín) gam.

Ngoài hành vi trên Đ và T đều khai nhận được cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà Đ nhưng không thu được vật chứng, không có cơ sở xử lý.

Thực hiện điều tra, xác minh đối với người tên Yên bán trái phép chất ma túy cho Đ nhưng không thu thập được căn cứ chứng minh xử lý.

Bản cáo trạng số 59/CT-VKS-ML ngày 04/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo Lò Văn Đ và Lò Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy nên đã mua ma túy cất giữ, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị bắt như cáo trạng đã nêu; bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy nên Đ rủ đã đồng ý điều khiển xe máy chở Đ đi mua, mục đích có ma túy để sử dụng cho bản thân.

Tại đơn đề nghị và lời khai tại phiên tòa chị Lò Thị N xác định: chiếc xe máy T bị thu và tạm giữ là tài sản chung của gia đình dùng tiền tiết kiệm mua được, việc T sử dụng khi tàng trữ trái phép chất ma túy gia đình không biết, đề nghị xin nhận lại chiếc xe.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Lò Văn Đ và Lò Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn

Đ từ 07 đến 09 năm tù; Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 06 đến 07 năm tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy: 7,83 (Bảy phẩy tám ba) gam Methamphetamine, ký hiệu ĐT1; 2,75 (Hai phẩy bảy lăm) gam Heroine, ký hiệu là ĐT3 và 13,20 (Mười ba phẩy hai không) gam Heroine, ký hiệu là LĐ1; 02 vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 01 mảnh nilon màu đen, 02 mảnh nilon màu xanh; 01 mảnh nilon màu trắng; giấy gói cũ của Lò Văn Đ. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone màu trắng- vàng đồng của Lò Văn Đ. Trả lại chị Lò Thị N: 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại EXCITER BKS 26B2 – 481.20. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lò Văn Đ tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M; xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin được miễn án phí.

Bị cáo Lò Văn T tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M; xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin được miễn án phí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Thị N tranh luận: nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xin nhận lại chiếc xe máy và không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác Đ hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: khoảng 17 giờ ngày 11/4/2020 bị cáo Đ đến nhà T, Đ nói với T “Tao có tiền nhưng không có xe, mày có xe thì mày chở tao đi, nếu mua được ma túy thì tao sẽ chia mày một phân Heroine” vì T là người nghiện nên đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 26B2- 481.20 chở Đ đến bản Thôm, xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La để mua ma túy; sau khi Đ mua được ma túy thì T chở Đ về, trên đường về Đ và T cùng nhau sử dụng một phần, số còn lại Đ cất giữ trong miệng và hậu môn; khi về đến bản Chang Lúa, xã Mường

Chùm, huyện M, thì bị Tổ công tác phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 4 giờ 00 phút, ngày 12/4/2020. Tại kết luận giám định số 606, ngày 16/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu ĐT2 là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 1,04 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu ĐT4 là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,73 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 8,87 gam; loại Methamphetamine và 3,48 gam; loại Heroine” và kết luận giám định số 658, ngày 24/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu LĐ là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,54 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 13,74 gam; loại Heroine”; cộng khối lượng hai chất ma túy là 26,09 gam. Như vậy, Lò Văn Đ và Lò Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp cùng nhau (T đã sử dụng xe mô tô chở Đ đến địa điểm, Đ trực tiếp mua và cất giấu, cất giữ) thực hiện hành tàng trữ trái phép chất ma túy là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lò Văn Đ và Lò Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đã tàng trữ hai chất ma túy (Heroine và Methamphetamine) có tổng khối lượng là 26,09 gam, tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự “g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam” đã phạm tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này”.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Các bị cáo đã được Đảng và Nhà nước tuyên truyền, vận động, cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, vì nghiện ma túy các bị cáo đã cùng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ nên chưa được coi là có tổ chức, theo quy định tại các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo là đồng phạm giản đơn, trong đó: Lò Văn Đ giữ vai trò chính (trực tiếp rủ, bỏ tiền mua và cất giữ, cất giấu trái phép chất ma túy) và là người thực hành tích cực cùng với Lò Văn T là người trực tiếp chở, chứng kiến Đ mua ma túy để cùng được sử dụng ma túy nên T phải chịu chung về khối lượng ma túy. Hành vi tàng trữ trái phép hai chất ma túy có khối lượng tổng cộng là 26,09 gam của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý trực tiếp các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hành vi phạm tội rất nghiêm trọng không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao

động do nghiện ma túy và kinh tế của gia đình các bị cáo mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an của địa phương, xã hội, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo Đ và T phạm tội, đề nghị phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Các bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (luôn thể hiện sự cắn rứt, dằn vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người dân lao động, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật hạn chế, mục đích tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng, cần xem xét giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; các bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 12/4/2020 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[8] Đối với người đàn ông tên Yên bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Đ, Cơ quan chức năng không có cơ sở chứng minh xử lý theo vụ án.

[9] Vật chứng của vụ án:

Cơ quan chức năng đã lấy mẫu giám định 1,04 gam Methamphetamine và 1,12 gam Heroine, không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đang lưu kho vật chứng: 7,83 gam Methamphetamine, ký hiệu ĐT1; 2,75 gam Heroine, ký hiệu là ĐT3 và 13,20 gam Heroine, ký hiệu là LĐ1, thu giữ của Lò Văn Đ còn lại là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

02 vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 01 mảnh nilon màu đen, 02 mảnh nilon màu xanh; 01 mảnh nilon màu trắng; giấy gói cũ là vật dụng bị cáo Đ sử dụng cất giữ trái phép chất ma túy, vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 điện thoại nhãn hiệu iPhone màu trắng- vàng đồng là tài sản của bị cáo Đ đã sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại EXCITER BKS 26B2 – 481.20 là tài sản chung, hình thành từ tiền tiết kiệm của gia đình chị Lò Thị N, chị N không biết việc bị cáo T đã sử dụng khi phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa các bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm n khoản 2 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; điểm c khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với cả hai bị cáo Lò Văn Đ và Lò Văn T.

1. Tuyên bố: các bị cáo Lò Văn Đ và Lò Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt:

Bị cáo Lò Văn Đ 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (12/4/2020); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Lò Văn T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (12/4/2020); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy: 7,83 (Bảy phẩy tám ba) gam Methamphetamine, ký hiệu ĐT1; 2,75 (Hai phẩy bảy lăm) gam Heroine, ký hiệu là ĐT3 và 13,20 (Mười ba phẩy hai mươi) gam Heroine, ký hiệu là LĐ1; 02 vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 01 mảnh nilon màu đen, 02 mảnh nilon màu xanh; 01 mảnh nilon màu trắng; giấy gói cũ của Lò Văn Đ.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone màu trắng-vàng đồng của Lò Văn Đ.

Trả lại chị Lò Thị N: 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại EXCITER BKS 26B2 – 481.20.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/9/2020 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn Đ và Lò Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/9/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà